

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HC-ST

Ngày 29-4-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng
mặt bằng khi thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 65/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 07 năm 2019 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HC ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lương Văn T, sinh năm 195X; địa chỉ: Thôn Y, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường 20-8, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đặng Văn C – Phó Chủ tịch UBND huyện V (Văn bản ủy quyền số 302a/UQ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện V); có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Ngọc D- Trưởng Phòng TN-MT huyện V và bà Trần Thị C- Phó Giám đốc Trung tâm PTQĐ huyện V; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị V và anh Lương Hoàng S (tên gọi khác là Lương Văn S); địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn T; địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Người khởi kiện là ông Lương Văn T trình bày:*

Năm 1996, vợ chồng ông (bà Nguyễn Thị Vin) mua 01 lô đất của Hợp tác xã để làm nhà ở với số tiền 10.210.000 đồng (kích thước thửa đất: rộng ngang 06 mét, dài từ mép đường 10 cũ đến mương nước đằng sau). Lúc xã giao đất có biên bản giao và có biên lai thu tiền nhưng hiện gia đình không còn lưu giữ. Năm 1998, UBND huyện V lại cấp giấy CNQSD đất cho gia đình ông đứng tên anh Lương Hoàng Sơn là con trai ông (khi đó mới 16 tuổi).

Năm 2000, dự án mở rộng QL 10 thu hồi của gia đình ông một phần đất nhưng ông không nhớ diện tích cụ thể là bao nhiêu và được nhận tiền bồi thường về đất là 10.000 đồng/m².

Ngày 02/11/2016, gia đình ông nhận được văn bản Thông báo số 51/TB-TN&MT ngày 14/10/2016 của UBND huyện V và Dự thảo phương án BTHT khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng QL10, theo đó đất ở của các hộ gia đình là đất công, không bồi thường về đất và tài sản trên đất, chỉ hỗ trợ 30% phần giá trị tài sản trên đất.

Ngày 29/11/2016, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND về việc phê duyệt PABTHT tại xã G; quyết định này không bồi thường về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 16/12/2016, UBND ra Thông báo số 1133/TB-UBND yêu cầu các hộ tháo dỡ, di chuyển tài sản và UBND sẽ bảo vệ nhà thầu thi công để thu hồi đất.

Sau khi các hộ dân khởi kiện ra tòa, UBND huyện V đã ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường bổ sung; bồi thường tiền đất cho gia đình ông là 22,8 m² / 49,8 m² đã bị thu hồi.

** Người khởi kiện đề nghị Tòa án:*

1. Hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3303/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện V, Quyết định thu hồi đất số 1691/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện V và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi đất của ông T từ trước đến nay.

2. Buộc UBND huyện V bồi thường phần đất còn lại là 27,2m² với đơn giá phù hợp thời điểm xét xử; bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông theo Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND Hải Phòng (Công văn 528), Quyết định 2680/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vin (vợ ông T) và anh Lương Hoàng Sơn (con trai ông T) không có ý kiến gì và đã có văn bản ủy quyền cho ông T đại diện tham gia tố tụng.*

** Đại diện người bị kiện thống nhất với lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc thửa đất, diện tích đất thu hồi năm 2016, 2017, đồng thời trình bày thêm:*

Theo Biên bản họp xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 20/12/2016 giữa Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, UBMT Tổ quốc xã G xác định: *Thửa đất số 159^b có nguồn gốc do UBND xã G giao trái thẩm quyền cho ông Lương Văn T, sử dụng từ năm 1996.*

Theo Báo cáo tình hình cấp đất làm nhà ở từ năm 1993 đến năm 1998 ngày 30/8/1998 của UBND xã G gửi thanh tra huyện V và Biên bản xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 20/12/2016 của UBND xã G; Biên bản duyệt cấp đất ở ngày 02/4/1995 của Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND và UBND xã G, năm 1995, UBND xã G giao đất cho ông Lương Văn T ven quốc lộ 10, chiều ngang thửa đất 6m, diện tích 200m², thu tiền 8.210.000 đồng. Theo bảng giá đất ở do UBND thành phố Hải Phòng qui định tại Quyết định số 685/QĐ/UB ngày 01/8/1994 (40.000 đồng x 200 m² = 8.000.000 đồng + 210.000 đồng tiền thủ tục giao đất).

Theo Giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện V cấp cho ông Lương Văn Sơn (con trai ông T) ngày 07/7/1998; thuộc thửa đất số 159b, tờ bản đồ số 6, chiều ngang giáp lưu không Quốc lộ 10 là 6m, diện tích 144m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m. Hiện UBND huyện không còn lưu giữ hồ sơ cấp CNQSD đất cho hộ ông T, nhưng sau khi nhận giấy gia đình không có khiếu kiện gì.

Năm 2000, khi thu hồi đất mở rộng QL 10 gia đình ông T bị thu hồi đất 30 m² và nhận tiền hỗ trợ 360.00 đồng, không khiếu kiện gì.

Theo các quyết định thu hồi đất do UBND huyện V đã ban hành, tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa QL10 hiện trạng năm 2015 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 49,8m², trong đó:

- Diện tích từ mép nhựa QL10 năm 2015 đến chỉ giới giao đất có thu tiền năm 1998 là 27,0m² (*chỉ giới giao đất cách mép nhựa Quốc lộ 10 năm 2015 là 4,5m*) là diện tích đất đã GPMB năm 2000 và đất hành lang giao thông nằm ngoài diện tích đất xã giao có thu tiền; không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

- Diện tích từ chỉ giới giao đất năm 1998 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 22,8m² nằm trong phạm vi 20 m kể từ chân Quốc lộ 10 (trước năm 2000) trở ra do xã G giao đất có thu tiền sử dụng đất. Việc thu hồi đất năm 2015 chưa thu hồi vào diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lương Văn Sơn (con trai ông T) ngày 07/7/1998. Tuy nhiên, để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án, UBND huyện đã tính hỗ trợ theo nội dung Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố, đồng thời đã tính toán hỗ trợ đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình.

UBND huyện V ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 29/11/2016: Thu hồi 31,6m² đất hành lang giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 do nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Xét thấy, một phần diện tích thu hồi thuộc đất xã giao trái thẩm quyền nằm trong hành lang giao thông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi kiểm tra, rà soát lại, UBND đã phê duyệt điều chỉnh loại đất tại Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, thu hồi diện tích 13,0m² và Quyết định số 5753/QĐ-UBND ngày 31/8/2017, thu hồi bổ sung diện tích 9,8 m². Như vậy, tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án là 22,8m², đủ điều kiện được hỗ trợ theo (Công văn 528), đồng thời đã tính toán hỗ trợ bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình. Vì vậy đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

+ Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền thu hồi đất, UBND huyện V đã thực hiện đúng qui định. Các đương sự xác nhận về diện tích đất đã bị thu hồi cho Dự

án lần này, nhưng yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất với lý do là toàn bộ diện tích đất bị thu hồi phải được bồi thường về đất.

+ Theo các tài liệu thu thập được thì UBND xã G giao đất trái thẩm quyền cho các hộ gia đình, trong đó có gia đình ông T được giao 200m² ($200 : 6 = 33,3$ m) , thu tiền đất theo bảng giá đất qui định tại Quyết định số 685 QĐ/UB ngày 01/8/1998 của UBND thành phố Hải Phòng là: 40.000 đồng x 200 m² = 8.000.000 đồng + 210.000 đồng tiền thủ tục giao đất + 2.000.000 đồng mua cát san lấp; phù hợp với lời khai của ông T về số tiền đã nộp. Gia đình ông T đã được cấp Giấy CNQSD đất ngày 07/7/1998 (thửa đất số 159b, tờ bản đồ số 6, diện tích 144m², chiều giáp QL 10 là 6 m và cách tìm đường 26 m.

Theo hướng dẫn tại Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố thì đối với diện tích đất giao trái thẩm quyền nằm ngoài diện tích đã được cấp Giấy CNQSD đất, nhưng người dân đã nộp nghĩa vụ tài chính thì được hỗ trợ về đất bằng mức giá bồi thường khi thu hồi đất. Theo biên bản ngày 10/01/2017 của xã G lập khi tiến hành giải phóng thì nhà ông T (nằm trong đoạn hộ từ nhà ông Thuyết đến nhà ông Hiếu) có chiều sâu đất là 38 m. Như vậy, phần đất hộ ông T không được hỗ trợ về đất là $38\text{ m} - 33,3 = 4,7\text{ m}$ (tính theo chiều sâu đất).

Hộ ông T bị thu hồi $49,8\text{ m}^2 : 6\text{ m chiều ngang} = 8,3\text{ m chiều sâu}$, nếu tính trừ $4,7\text{ m chiều sâu nằm ngoài chỉ giới giao đất năm 1998}$ thì hộ ông T còn được bồi thường $3,6\text{ m} \times 6 = 21,6\text{ m}^2$. Theo các phương án bồi thường đã được UBND huyện V phê duyệt thì hộ ông T được bồi thường 22,8 m² là vượt quá quyền lợi được hưởng.

Do vậy, việc UBND huyện thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất vẫn đảm bảo quyền lợi của hộ ông T. Ông T yêu cầu hỗ trợ thêm 27,2m² đất là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật TTHC đề nghị HĐXX tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326 của Quốc hội; đề nghị miễn án phí HCST cho người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn không thay đổi các quyết định hành chính bị khởi kiện. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 140 Luật Tổ tụng hành chính; Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] UBND huyện V đã ban hành quyết định thu hồi đất số **3303/QĐ-UBND ngày 29/11/2016** đối với 31,6 m² đất hành lang giao thông của hộ gia đình ông T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL 10. Ngày 17/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý vụ án số 04/2017/TLST-HC theo yêu cầu khởi kiện của ông T và 26 hộ dân khác, đến ngày 10/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định tách vụ án Hành chính số 2700/2019/QĐST-HC. Như vậy vụ án của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện, theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án hành chính số 71/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2019 là đúng thẩm quyền qui định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, UBND huyện V đã ban hành các Quyết định thu hồi đất bổ sung số 1691/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, 5753/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 và phê duyệt phương án bồi thường bổ sung, theo đó hộ ông T được hỗ trợ đối với 22,8 m² trên tổng diện tích 49,8 m² đất bị thu hồi, với số tiền 235.266.000 đồng. Tuy nhiên, ông T vẫn không đồng ý mà yêu cầu phải được bồi thường thêm phần diện tích đất 27 m² còn lại (nằm trong 31,6 m² đất hành lang giao thông bị thu hồi tại quyết định số **3303/QĐ-UBND ngày 29/11/2016** của UBND huyện V). Căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tính hợp pháp của toàn bộ các quyết định thu hồi đất (**3303/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, 1691/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, 5753/QĐ-UBND ngày 31/8/2017**) và phê duyệt phương án bồi thường có liên quan đến việc thu hồi 49,8 m² đất nói trên trong cùng vụ án, theo như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vin (vợ ông T) và anh Lương Hoàng Sơn (con trai ông T) vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông T đại diện tham gia tố tụng; căn cứ Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người liên quan theo thủ tục chung.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[4] Theo qui định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Do đó, UBND huyện V ban hành Quyết định thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T là phù hợp qui định của pháp luật. Về trình tự thủ tục ban

hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, kiểm kê tài sản và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa phương đều đúng theo qui định tại các Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013 và người khởi kiện cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các thủ tục trên.

[5] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận: Thửa đất số 159^b có nguồn gốc do UBND xã G giao trái thẩm quyền cho hộ ông Lương Văn T sử dụng từ năm 1996; ông T đã nộp nghĩa vụ tài chính là 10.210.000 đồng. Ngày 07/7/1998, UBND huyện V cấp CNQSD đất cho hộ ông T đứng tên Lương Văn Sơn (con trai ông T); thửa đất số 159b, tờ bản đồ số 6, chiều ngang giáp lưu không Quốc lộ 10 là 6m, diện tích 144m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m, sau khi nhận giấy CNQSD đất gia đình không có khiếu kiện gì. Năm 2000, khi thu hồi đất mở rộng QL 10 gia đình ông T bị thu hồi một phần đất và được hỗ trợ 10.000 đồng/m² và đã nhận tiền, không khiếu kiện gì. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL 10, UBND huyện V đã thu hồi của hộ ông T tổng diện tích 49,8 m² đất tại thửa số 159^b, nhưng chỉ hỗ trợ đối với 22,8 m² với số tiền 235.266.000đồng; 27,2 m² đất còn lại không hỗ trợ. Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung trên là sự thật.

[6] Ông T cho rằng năm 1996, UBND xã G đất cho gia đình ông sát mép QL10, ngang 6 m kéo dài sát mương phía sau nhưng không cung cấp được biên bản giao đất hoặc bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Theo các tài liệu thu thập được thì UBND xã G giao đất trái thẩm quyền cho các hộ gia đình, trong đó có gia đình ông T làm nhà ở là 200m², thu tiền đất theo bảng giá đất qui định tại Quyết định số 685 QĐ/UB ngày 01/8/1998 của UBND thành phố Hải Phòng là: 40.000 đồng x 200 m²= 8.000.000 đồng + 210.000 đồng tiền thủ tục giao đất + 2.000.000 đồng mua cát san lấp; phù hợp với lời khai của ông T về số tiền đã nộp. Như vậy, lời khai của đại diện người bị kiện cho rằng năm 1996, hộ ông T được giao 200 m² đất là có cơ sở.

[7] Căn cứ Bản đồ chồng ghép giải phóng mặt bằng (GPMB) năm 2000 và năm 2015 do Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt; bản đồ địa chính GPMB năm 2000 do Công ty tư vấn thiết kế công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng Hải Phòng; phần diện tích bị thu hồi đều nằm trong hành lang an toàn giao thông tính từ tim đường Quốc lộ 10 cũ; phù hợp với Hồ sơ trích lục bản đồ địa chính khu vực xin giao đất làm nhà ở nhân dân năm 1995-1996. UBND xã G giao đất làm nhà ở trái thẩm quyền cho công dân tại khu đất ven Quốc lộ 10, sau đó đã được UBND huyện V chấp thuận và cấp Giấy CNQSD đất và trừ hàng lang bảo vệ đường 20m, cách tim đường là 26m theo đúng quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 2000 nhà

nước thu hồi 30 m² đất hộ ông T đang sử dụng để giải phóng mặt bằng QL10 (lần 1), nhưng không được bồi thường về đất (đất HLGT) mà chỉ được hỗ trợ công san lấp 10.000/ m², ông T nhận tiền và không khiếu kiện, đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính.

[8] Tại Công văn 528, UBND thành phố Hải Phòng căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; đồng ý hỗ trợ khác cho 28 hộ dân có đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 bị thu hồi, nhưng người dân đã nộp nghĩa vụ tài chính bằng mức giá bồi thường khi thu hồi đất. Mặc dù danh sách người dân được hỗ trợ theo Công văn 528 chỉ có 28 người, nhưng trong quá trình thực hiện dự án, UBND huyện V cũng áp dụng chính sách hỗ trợ tương tự cho các hộ dân khác có đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 bị thu hồi nhằm là “đảm bảo công bằng” theo đúng qui định của Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Theo biên bản xác định hiện trạng ngày 10/01/2017 của xã G lập khi tiến hành giải phóng mặt bằng thì nhà ông T (nằm trong đoạn hộ từ nhà ông Thuyết đến nhà ông Hiếu) có chiều sâu đất giáp lưu không QL10 tới bờ mương phía sau là 38 m. Như vậy, phần đất hộ ông T không được hỗ trợ về đất là 38 m – 33.3 m = 4,7 m (tính theo chiều sâu đất). Xét hộ ông T bị thu hồi 49,8 m² : 6 m chiều ngang = 8,3 m chiều sâu, nếu trừ 4,7 m chiều sâu nằm ngoài chỉ giới giao đất năm 1996 thì còn được bồi thường 3,6 m x 6 m = 21,6 m². Nhưng theo các phương án bồi thường đã được UBND huyện V phê duyệt thì hộ ông T được nhận hỗ trợ 22,8 m² với số tiền là 235.296.000 là vượt quá quyền lợi được hưởng 1,2 m² (tương đương số tiền 12.384.000 đồng).

[9] Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ lập ngày 24/12/2019, diện tích đất còn lại của hộ ông T hiện là 247 m² (lớn hơn diện tích do UBND xã G giao đất ban đầu là 200m²). Như vậy, sau 2 lần bị thu hồi đất và được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ nhưng hộ ông T vẫn còn sử dụng diện tích đất lớn hơn diện tích được giao ban đầu. Mặt khác, theo giấy CNQSD đất được cấp năm 1998 thì đất của hộ ông T chỉ có diện tích 144 m², phần còn lại là hành lang giao thông; gia đình sử dụng đến năm 2016 chuyển nhượng cho người khác (theo lời khai của ông T), không có khiếu kiện, tranh chấp. Đối với quan điểm của người khởi kiện cho rằng giấy CNQSD đất được cấp ban đầu cho gia đình ông không ghi chỉ giới HLGT mà tính đến sát mép QL10, sau đó chính quyền mượn lại và ghi trừ HLGT, nhưng ngoài lời khai của mình, người khởi kiện không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh.

[10] Từ những phân tích từ mục [4] đến mục [9] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện đề nghị được bồi thường thêm về đất khi thu hồi đối với diện tích 27,2 m² nêu trên. Đối với việc

UBND huyện V bồi thường vượt quá quyền lợi của hộ gia đình ông T hàng chục triệu đồng, lẽ ra phải thu hồi lại trả cho nhà nước. Tuy nhiên, do việc quản lý đất đai tại địa phương rất lỏng lẻo, người dân lấn chiếm đất công tràn lan trong thời gian rất dài chưa được chấn chỉnh kịp thời; không có số liệu để đối chiếu, khảo sát. Do cần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án trọng điểm quốc gia nên UBND huyện V đã báo cáo UBND thành phố tính toán hỗ trợ có lợi cho người dân. Trách nhiệm trên thuộc về chính quyền cơ sở, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào số liệu xét xử các vụ án tương tự trên địa bàn để tập hợp trao đổi với Viện kiểm sát để xem xét kiến nghị xử lý sau.

[11] Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T đã 63 tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T về việc đề nghị hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3303/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, Quyết định thu hồi đất số 1691/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện V và các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan; cùng yêu cầu được hỗ trợ tiếp đối với phần đất còn lại là 27,2m² theo đơn giá phù hợp tại thời điểm xét xử.

- *Về án phí sơ thẩm:* Ông Lương Văn T được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh